

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày: 06/01/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Mai Văn Bé**

Ông **Nguyễn Văn Y**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **349/2020/TLST-DS** ngày 20/10/2020 về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **168/2020/QĐXXST-DS** ngày 08/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp NL, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị Diễm L1**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp VH, xã VK, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: **Lê Văn L2**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp BHA, xã BT, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L có ý kiến trình bày:*

Bà là cô ruột của chị Nguyễn Thị Diễm L1, do có quan hệ bà con nên bà có cho chị L1 vay nhiều lần tổng cộng là 216.860.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh Công ty nước, cụ thể các lần như sau:

- Ngày 15/9/2014, vay 110.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, hạn vay 02 năm, chị L1 đã trả lãi từ tháng 9/2014 đến tháng 3/2018.

- Ngày 07/11/2014, vay thêm 30.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, hạn vay 02 năm.

Sau đó có vay và trả nhiều lần tính đến ngày 15/02/2020 là 161.188.000 đồng. Đến ngày 20/02/2020 chị L1 có mượn 03 chỉ vàng 18Kr và 01 chỉ vàng 24Kr. Đối với số vàng thì không có chứng cứ, chỉ có tin nhắn zalo nói chuyện mượn tiền qua lại, không rõ cụ thể những khoản nào.

Ngoài ra, khoảng năm 2016 bà có lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi cầm cố được 80.000.000 đồng đưa chị L1, chị L1 có trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng, số tiền này được thể hiện qua bút tích “Cô 8: 80.000.000 đồng”.

Nay yêu cầu chị L1 trả số tiền 191.188.000 đồng, 03 chỉ vàng 18Kr và 01 chỉ vàng 24Kr.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn là chị Nguyễn Thị Diễm L1 có đại diện là ông Lê Văn L2 cùng có ý kiến trình bày:*

Thống nhất trước đây chị L1 có vay tiền của bà L, tính đến ngày 15/02/2020 còn nợ lại bà L số tiền là 161.188.000 đồng, không có vay vàng. Đối với số tiền 80.000.000 đồng thừa nhận là có mượn, việc bà L có cầm bằng khoáng hay không là không biết, chỉ có nhận tiền mặt số tiền 80.000.000 đồng và đã được kết toán tính vào số tiền 161.188.000 đồng. Đối với các tin nhắn zalo bà L cung cấp là có thật nhưng không thể hiện việc chị L1 có vay vàng cũng như chứng minh số nợ là 30.000.000 đồng chưa tính vào số nợ chung.

Nay chị L1 chỉ đồng ý trả số tiền 161.188.000 đồng, trả trong hạn 03 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L cho rằng: Do bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm L1 là cháu ruột, nên nguyên đơn có cho bị đơn vay nhiều lần tổng cộng là 216.860.000 đồng mục đích vay để kinh doanh Công ty nước, cụ thể các lần như sau:

- Ngày 15/9/2014, vay 110.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, hạn vay 02 năm, bị đơn đã trả lãi từ tháng 9/2014 đến tháng 3/2018.

- Ngày 07/11/2014, vay thêm 30.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, hạn vay 02 năm.

Sau đó có vay và trả nhiều lần tính đến ngày 15/02/2020 là 161.188.000 đồng. Đến ngày 20/02/2020 chị L1 có mượn 03 chỉ vàng 18Kr và 01 chỉ vàng 24Kr. Ngoài ra, khoảng năm 2016 bà có lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi cầm cố được 80.000.000 đồng đưa chị L1, chị L1 có trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng.

Xét thấy phía nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ thể hiện nội dung tính đến ngày 12/7/2015 bị đơn còn nợ 160.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ 03 chỉ vàng 18Kr và 01 chỉ vàng 24Kr nguyên đơn có cung cấp tin nhắn zalo được bị đơn thừa nhận là có thật nhưng không thừa nhận khoản vay này. Đồng thời, nội dung tin nhắn không thể hiện bị đơn có nhận vàng của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả khoản nợ này là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với khoản vay 30.000.000 đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn vay vào năm 2016 có ghi vào sổ “*Cô 8: 80.000.000 đồng*”. Xét thấy, khoản nợ này phát sinh vào năm 2016, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận đến ngày 15/02/2020 tổng kết nợ lại là 161.188.000 đồng. Vì vậy, ý kiến bị đơn cho rằng tất cả các khoản nợ đã được tổng kết xong là phù hợp. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả khoản nợ này là không có cơ sở chấp nhận.

Từ phân tích trên cho thấy, bị đơn chỉ thừa nhận khoản nợ là 161.188.000

đồng. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 161.188.000 đồng.

Về ý kiến của bị đơn xin trả chậm trong hạn 3 tháng, phía nguyên đơn không chấp nhận. Do đó, ý kiến của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu $\{30.000.000 \text{ đồng} + 18.007.600 \text{ đồng}(03 \text{ chỉ vàng } 18\text{Kr} \text{ và } 01 \text{ chỉ vàng } 24\text{Kr})\} \times 5\% = 2.400.380 \text{ đồng}$. Bị đơn phải chịu là $161.188.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.059.400 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc chị Nguyễn Thị Diễm L1 trả cho bà Nguyễn Thị Kim L 161.188.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Diễm L1 phải chịu 8.059.400 đồng. Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 2.400.380 đồng, được trừ vào 5.421.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003375 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên hoàn lại bà L 3.021.120 đồng.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Bùi Anh Tuấn